

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

1.1 Nông nghiệp:

a. Trồng trọt:

+ **Kết thúc gieo trồng vụ Mùa**, toàn tỉnh đạt 66.208 ha, giảm 2,94% so cùng kỳ (-2.007ha). Trong đó, nhóm cây trồng và thu hoạch trong vụ đạt 61.626,05 ha giảm 3,2% (-2.037,76 ha) so cùng kỳ. Phần lớn diện tích giảm chủ yếu là số diện tích trồng lúa và cây hàng năm khác chuyển sang trồng nhãn, sầu riêng và một số cây ăn quả khác trên địa bàn các huyện Dương Minh Châu, Gò Dầu, Tân Châu, Châu Thành.....Nguyên nhân do hiệu quả các cây trồng này đạt thấp, giá cả ngày càng giảm cùng với thời tiết không thuận lợi nên người dân đang chuyển đổi sang cây trồng khác có hiệu quả hơn. Nhóm cây trồng trong vụ cho thu hoạch năm sau vẫn duy trì như cùng kỳ (4.582,76 ha).

+ **Gieo trồng vụ Đông Xuân 2018-2019** (đến ngày 15/10) đạt 1.820 ha tăng 21,22% (+318,60 ha) so cùng kỳ, tăng chủ yếu là diện tích mì (sắn), đã gieo trồng được 778 ha tăng 764,5 ha so cùng kỳ, tập trung ở 2 huyện Tân Châu (725,5 ha) và Tân Biên (+40,5ha), do gần đây giá củ mì tăng mạnh, mặc dù đang bị ảnh hưởng của bệnh khảm lá, nhưng vẫn đem lại hiệu quả cao. Diện tích rau, đậu, hoa, cây cảnh xuống giống so cùng kỳ cũng tăng cao 31,07% (+114,3 ha).

Bên cạnh đó, tiến độ gieo trồng 1 số cây trồng chậm hơn cùng kỳ như: cây lúa được 297,4 ha giảm 58,80% (-424,5 ha) giảm mạnh chủ yếu ở huyện Tân Biên (-459,1 ha), nguyên nhân 1 phần do chuyển đổi cây trồng, mặt khác lại do diễn tiến thời tiết không thuận lợi, một số diện tích còn ngập nước nên chưa xuống giống được; cây ngô xuống giống đạt 108 ha bằng 100,09%; cây mía 78 ha chỉ bằng 36,01% (-139,5 ha) và đậu phộng (cây lạc) 58ha tăng 4,30% so cùng kỳ.

+**Thu hoạch vụ Mùa:** đến nay được 2.060 ha, trong đó cây lúa mới được 121 ha (bằng 0,23% diện tích gieo trồng) và so với cùng kỳ chỉ bằng 12,84% do mưa nhiều làm chậm tiến độ thu hoạch lúa; cây bắp 102,8 ha (-29,2%) đạt 11,75% diện tích gieo trồng; đậu phộng 36,4 ha (-55,17%); rau đậu hoa cây cảnh các loại 1.621 ha đạt 20,71% diện tích gieo trồng, và giảm 27,92% so cùng kỳ.

Đối với cây trồng vụ trước (mía, mì), đến nay đã thu hoạch được 23.861ha, bằng 79,08% so cùng kỳ, trong đó cây mì đạt 22.743 ha, giảm 18,83%; mía đạt 1.118 ha, cũng thấp hơn 44,16% so cùng kỳ năm trước.

+**Tình hình sâu bệnh** trên các loại cây trồng đều ở mức hại nhẹ ảnh hưởng không đáng kể đến sinh trưởng cây trồng. Riêng dịch khảm trên cây mì, trong tháng phát sinh 884,15 ha mì nhiễm mới, lũy kế toàn tỉnh đã có 34.974,3 ha nhiễm với các tỷ lệ: < 15% là 8.173,35 ha, 15 đến <30% là 7.110,32 ha, từ 30 đến <70% là 10.930,05 ha, từ 70% trở lên là 7.414,58 ha. Trong vụ Đông xuân diện tích mì nhiễm bệnh là 25.754,9 ha xuất hiện tại 66 xã thuộc 9 huyện, thành phố; vụ Hè thu diện tích mì nhiễm bệnh là 8.130,3 ha, dịch bệnh xuất hiện tại 42/43 xã thuộc 5 huyện Châu Thành, Tân Châu, Tân Biên, Gò Dầu và Hòa Thành; vụ Mùa có 1.089,15 ha diện tích mì nhiễm bệnh tại huyện Tân Biên, Tân Châu, Gò Dầu. Thực hiện tiêu hủy 143,2 ha diện tích mì nhiễm bệnh vụ ĐX 2017-2018 tại Tân Châu (87,6 ha), Tân Biên (30 ha), Bến Cầu (24,6 ha), TP Tây Ninh (1 ha).

b. Chăn nuôi:

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh vẫn có những bước phá triển trong chăn nuôi gà, lợn theo mô hình trang trại với hình thức nuôi gia công vẫn được duy trì. Chăn nuôi gia súc có xu hướng giảm ở đàn trâu hiện có 13.890 con, giảm 3,0% so cùng kỳ; đàn bò hiện có 95.550 con tăng 0,14%, riêng nuôi bò sữa hiện có 10.936con, tăng 4,83%(+504 con) so cùng kỳ, nhờ có các dự án nuôi tập trung đầu tư của Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam (Vinamilk) ở huyện Bến Cầu có 6.300 con bò sữa chiếm 57,61 tổng đàn bò sữa của tỉnh; đàn lợn 178.556 con tăng 3,92% (+6.728con), do giá thịt heo hơi tăng trở lại và luôn duy trì ở mức trên 50.000đ/kg, trong những tháng gần đây.

Chăn nuôi gia cầm vẫn phát triển do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của chúng cũng như giá cả thời gian gần đây tương đối ổn định. Tổng đàn gia cầm hiện có 6.440ngàn con (+9,09%) so cùng kỳ; trong đó đàn gà 5.620 ngàn con, (+9,70%), đàn gà tăng chủ yếu ở các Doanh nghiệp, trang trại đầu tư chuồng trại khép kín nên hạn chế được dịch bệnh, giá cả trong tháng ổn định và có xu hướng tăng.

Số lượng chăn nuôi gia súc, gia cầm

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm 2017	Ước thực hiện kỳ báo cáo	So sánh cùng kỳ (%)
I. Gia súc				
1. Trâu	con	14.320	13.890	97,00
2. Bò	con	95.413	95.550	100,14
Trong đó: Bò sữa	con	10.432	10.936	104,83
3. Lợn	con	171.828	178.556	103,92
II. Gia cầm				
	1000con	5.903,84	6.440,50	109,09
Trong đó: Gà	1000con	5.123,10	5.620,10	109,70

Trong tháng không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm. Tuy nhiên, ngành chức năng vẫn thường xuyên giám sát tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn, tăng cường công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y, công tác tiêu độc sát trùng, phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và quản lý cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn. Trong tháng các trạm chăn nuôi và thú y cùng các cơ sở thú y tổ chức tiêm phòng với số lượng 34.714 liều vắc xin các loại; bên cạnh đó công tác tiêu độc khử trùng đã thực hiện với diện tích 901.890 m² tại các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm, 23.360 m² tại các cơ sở giết mổ, 500 m² tại các bến bãi, khu cách ly, 760 m² tại các lò ấp.

1.2 Lâm nghiệp:

Phát triển rừng và sử dụng rừng: Trong tháng đã trồng mới 12,8 ha, tăng 4,92% (+0,6 ha) so cùng kỳ, lũy kế đến tháng 10 toàn tỉnh đã trồng mới 92,6 ha, tăng 5,95% (+5,2 ha) so cùng kỳ năm trước. Trong đó diện tích rừng trồng mới

của các Ban quản lý lũy kể từ đầu năm đến nay được 73,6 ha, chiếm 79,48% diện tích rừng trồng mới, đạt 31% so với kế hoạch. Tiếp tục thực hiện chăm sóc, chống cháy và bảo vệ rừng trồng, đảm bảo rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

Bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: Diện tích rừng được đầu tư bảo vệ toàn tỉnh là 57.753 ha, toàn bộ diện tích rừng này đều được giao khoán các tổ chức, nhóm hộ, hộ gia đình bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Trong đó Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò-Sa Mát và 3 dự án cơ sở là 52.015 ha, các huyện và ngoài dự án là 5.738 ha. Diện tích đầu tư khoanh nuôi tái sinh tự nhiên toàn tỉnh là 1.347 ha, các đơn vị đang tiếp tục thực hiện khoanh nuôi đối với những diện tích trên. Nhìn chung, công tác bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên những tháng đầu năm 2018 được các đơn vị thực hiện khá tốt, hạn chế tình trạng phá rừng, khai thác gỗ và lâm sản trái phép. Tuy nhiên ở một vài nơi tình trạng trộm cắp lâm sản (chặt le, củi ...) vẫn còn xảy ra.

Quản lý bảo vệ rừng, quản lý lâm sản, phòng cháy chữa cháy rừng: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 15 vụ vi phạm quy định về Luật bảo vệ và phát triển rừng, tăng 4 vụ so với tháng trước, cụ thể như sau: 5 vụ khai thác rừng và vận chuyển lâm sản trái pháp luật, tạm giữ 4,218 m³ gỗ các loại; 1 vụ vi phạm thủ tục hành chính trong quản lý rừng, sử dụng rừng tạm giữ 1 cội Lộc vừng; 3 vụ cất giữ lâm sản trái với quy định của Nhà nước tạm giữ 1,038 m³ gỗ Lim, 380 cây cừ tạp và 1,721 m³ gỗ Chiêu liêu; 1 vụ lấn chiếm rừng cất nhà, chòi trái pháp luật; 2 vụ vi phạm quy định chung của Nhà nước về phòng cháy chữa cháy rừng; 1 vụ vi phạm quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng; 1 vụ vận chuyển lâm sản trái pháp luật tạm giữ 0,6 m³ gốc Me tây; 1 vụ phá rừng trái pháp luật với diện tích 0,0192 ha.

Khai thác gỗ và lâm sản khác: Trong tháng sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện được 2.650 m³, so với cùng kỳ tăng 1,15% (+30 m³), lũy kế từ đầu năm đến nay 48.773 m³, tăng 0,31% (+153 m³) so với cùng kỳ. Sản lượng củi khai thác ước thực hiện trong tháng 20.800 ste, so với cùng kỳ tăng 8,73% (+1.670 ste), lũy kế từ đầu năm đến nay đạt 210.200 ste, giảm 14,45% so với cùng kỳ (-35.500 ste).

1.3 Thủy sản:

Tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh vẫn được duy trì, diện tích nuôi trồng thủy sản đến kỳ báo cáo ước thực hiện 761,8 ha, tăng 1,12% so với cùng kỳ, trong đó nuôi cá ước đạt 740 ha cũng tăng 0,56% (+4,11 ha), trong đó các tra 210 ha tăng 2,09% (+4,3 ha) so cùng kỳ, do giá thu mua có nhích lên. Nuôi cá lồng bè trên sông Vàm Cỏ Đông vẫn giảm do vấn đề ô nhiễm nguồn nước chưa được ngành chức năng giải quyết triệt để khiến người dân e dè trong việc nuôi cá theo mô hình này.

Sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trong tháng ước thực hiện 2.791,5 tấn, lũy kế từ đầu năm đến nay ước đạt 13.344,7 tấn tăng 0,58% (+76,64 tấn) so với cùng kỳ; riêng sản lượng nuôi ước đạt 10.130,5 tấn tăng 0,09%, trong đó cá tra 4.800 tấn tăng 20% (+800 tấn) so cùng kỳ, sản lượng khai thác vẫn ổn định do chủ yếu khai thác trong Hồ Dầu Tiếng và trên sông Vàm Cỏ Đông.

Sản xuất giống thủy sản đã đáp ứng nhu cầu nuôi trồng trong tỉnh, trong tháng ước đạt 98 triệu con, lũy kế từ đầu năm đến nay sản xuất được 198,5 triệu con giống, tăng 23,72% so cùng kỳ.

2. Sản xuất công nghiệp:

Tháng 10/2018: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn tỉnh tăng 4,74% so tháng trước. Trong các ngành công nghiệp cấp 1, so tháng trước ngành khai khoáng giảm 8,67%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,85%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,38%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,04%. Một số ngành kinh tế cấp 2 tăng khá trong tháng như SX chế biến thực phẩm (+7,7%), SX sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+34,76%), do nhà máy xin mặng dừng sửa chữa dây chuyền trong tháng 9 nên dự kiến sản lượng tháng này tăng mạnh; In, sao chép bản ghi các loại (+45,85%); sản xuất kim loại (+26,77%)... Bên cạnh đó cũng có một số ngành tăng chậm so với tháng trước như: sản xuất và phân phối điện (+0,38%), SX trang phục (+3,10%); Dệt (+3,6%)...

Lũy kế 10 tháng năm 2018, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng¹ 15,31% so cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 15,19%, ngành SX và phân phối điện tăng 12,54%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 32,96%, riêng ngành khai khoáng giảm 9,98% so cùng kỳ. Trong các ngành công nghiệp cấp 2, tăng nhiều ở các ngành: Dệt (+39,5%); sản xuất trang phục (+9,21%); SX sản phẩm từ cao su và plastic (+22,33%) chủ yếu do sản xuất sảm lốp cao su (+28,3%); SX da và các sản phẩm có liên quan (+7,97%); SX sản phẩm khoáng phi kim loại khác (+13,06% (chủ yếu là xi măng) do nhu cầu sử dụng tăng doanh nghiệp tăng công suất sản xuất... cũng có một số ngành tăng chậm hoặc giảm so cùng kỳ như: SX chế biến thực phẩm (+0,51%), công nghiệp chế biến chế tạo khác (-6,1%), khai khoáng khác (-9,98%).

Đa số các sản phẩm sản xuất chủ yếu của tỉnh đều có sản lượng sản xuất 10 tháng đầu năm tăng khá so cùng kỳ, cụ thể: giấy các loại tăng 8,04%; quần áo các loại (+13,56), vỏ ruột xe các loại (+14,03%); điện thương phẩm (+11,32%); nước máy sản xuất (+5,55%); sản lượng xi măng sản xuất (+13,06%), so cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó cũng có sản phẩm xấp xỉ bằng hoặc giảm so cùng kỳ như bột mì giảm(-2,47%); đường các loại bằng xấp xỉ (99,78%), Clanhke Poolan giảm (-25,89%).

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 10/2018 so với tháng 9/2018	10 tháng 2018 so với cùng kỳ
Tổng số	104,74	115,31
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	91,33	90,02

¹ Cùng kỳ năm trước tăng 15,10%.

	Tháng 10/2018 so với tháng 9/2018	10 tháng 2018 so với cùng kỳ
2. Công nghiệp chế biến	104,85	115,19
3. SX và phân phối điện, khí đốt, nước nóng.....	100,38	112,54
4. Cung cấp nước, hđ quản lý và xử lý rác thải...	104,04	132,96
Một số ngành công nghiệp cấp 2 chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	107,70	100,51
2. Dệt	103,60	139,50
3. Sản xuất trang phục	103,10	109,21
4. Sản xuất da và sản phẩm có liên quan	103,69	107,97
5. Chế biến gỗ và các mặt hàng từ gỗ	115,23	130,33
6. Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	106,18	113,48
7. Sản phẩm từ cao su và plastic	100,42	122,33
8. Sản phẩm từ khoáng phi kim loại	134,76	113,06
9. Sản xuất và phân phối điện	100,38	112,54
10. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	102,94	106,84

3. Vốn đầu tư phát triển:

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 10/2018 ước thực hiện được 271,8 tỷ đồng, tăng 12,59% so tháng trước. Bao gồm vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 235,4 tỷ đồng (+12,46%); ngân sách cấp huyện đạt 36,4 tỷ đồng (+13,44%); Ngân sách cấp xã trong tháng không phát sinh. Một số công trình chủ yếu có giá trị thực hiện tăng cao, như: Mở rộng đường Nguyễn Văn Linh ước đạt 5 tỷ (+16,5%), đường 794 đạt 7 tỷ (+11,11%), đường 790 nối dài (+38,10%)... Ngoài ra trong tháng có một số công trình mới khởi công như: Đường Đất sét - Bến củi, đường huyện 12 xã biên giới huyện Châu Thành.... bên cạnh đó cũng có công trình thi công chậm như: nâng cấp, cải tạo ngầm hoá đường 30/4, do công tác giải phóng mặt bằng chưa xong. ...

Cộng dồn 10 tháng, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện 2.279,58 tỷ đồng, đạt 81,84% kế hoạch năm, tăng 24,72% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 1.943,89 tỷ đồng bằng 81,77% KH, tăng 27,21%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 333,79 tỷ đồng, bằng 82,22% KH, tăng 11,94% so với cùng kỳ; Riêng các công trình do cấp xã quản lý có nguồn vốn đạt 1,9 tỷ đồng, bằng 86,86% kế hoạch năm, và bằng 99,62% so với cùng kỳ năm 2017.

4. Giao thông vận tải:

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 10/2018 ước đạt 226,78 tỷ đồng, tăng 1,14% so tháng trước, trong đó: Vận tải hành khách đạt 67,63 tỷ đồng, tăng 0,77%; vận tải hàng hóa đạt 154,41 tỷ đồng, tăng 1,25% so với tháng trước. Cộng dồn 10 tháng đầu năm doanh thu đạt 2.263 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 7,66%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 678,96

tỷ đồng tăng 8,10%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 1.543 tỷ đồng tăng 7,44% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 40,9 tỷ đồng tăng 9,10% so với 10 tháng năm 2017.

Vận tải hành khách tháng 10/2018 ước đạt 1.366 nghìn lượt khách, tăng 1,12% và luân chuyển được 125.344 nghìn lượt khách.km, cũng tăng 0,89% so tháng trước. Lũy kế 10 tháng, vận chuyển hành khách trên địa bàn đạt 15.340 nghìn lượt khách, tăng 7,45%, luân chuyển hành khách đạt 1.080.500 nghìn lượt khách.km, tăng 7,69% so cùng kỳ. Nếu xét theo ngành vận tải thì sản lượng hành khách vận chuyển đường bộ là chủ yếu, và ngày càng tăng (+8,16%), chiếm tỷ trọng đến 96,61% khối lượng vận chuyển của ngành vận tải hành khách; Khối lượng đường thủy cũng giảm 9,34% so cùng kỳ năm 2017.

Vận tải hàng hóa trong tháng duy trì phát triển ổn định; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước tháng 10 đạt 1.208 nghìn tấn, tăng 0,66% và luân chuyển được 91.617 nghìn tấn.km, tăng 0,86% so tháng trước; sản lượng vận tải hàng hóa trong tháng tăng chủ yếu do vận chuyển nông sản thu hoạch trong tháng này tăng. Mười tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa ước tính đạt 12.179 nghìn tấn, tăng 7,26% và luân chuyển được 917.020 nghìn tấn.km, tăng 7,41%. Vận tải hàng hóa của tỉnh phát triển tập trung ở vận tải đường bộ với khối lượng hàng hóa vận chuyển trong 10 tháng đầu năm ước đạt 12.069 nghìn tấn, tăng 7,31%, luân chuyển 910.305 nghìn tấn.km, cũng tăng 7,44% so cùng kỳ năm trước.

5. Thương mại dịch vụ

a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 10/2018 ước đạt 5.087 tỷ đồng, tăng 3,40% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 177,787 tỷ đồng, tăng 1,26%; kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.910 tỷ đồng, cũng tăng 3,48% so tháng trước.

Lũy kế 10 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 46.331 tỷ, tăng 10,01% so cùng kỳ năm trước. Trong đó tăng nhiều ở khu vực kinh tế nhà nước (+36,58%); tuy nhiên khu vực này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (3,77%), khu vực kinh tế ngoài nhà nước tăng 9,18%; Cụ thể, doanh thu một số nhóm hàng chủ yếu, như: nhóm lương thực, thực phẩm đạt 17.027 tỷ đồng, tăng 10,34%; nhóm xăng, dầu các loại đạt 6.417,8 tỷ đồng, tăng 14,55%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 6.544 tỷ đồng, cũng tăng 9,46% so với cùng kỳ....

b) Hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành:

Doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh tháng 10/2018 ước đạt 1.374 tỷ đồng, tăng 2,54% so tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 276,85 tỷ đồng chỉ bằng 99,21% (chủ yếu do phát hành vé xổ số tháng này giảm số kỳ phát hành) so với tháng trước, khu vực ngoài

nhà nước đạt 1.091,83 tỷ đồng tăng 3,33%, và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6,04 tỷ đồng cũng bằng 100,35% so tháng trước.

Luỹ kế 10 tháng đầu năm doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 12.926 tỷ đồng tăng 11,68 % so cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 7.474 tỷ đồng tăng 12,45%, dịch vụ lưu trú đạt 154,6 tỷ đồng tăng 9,58% và dịch vụ khác đạt 5.2298 tỷ đồng tăng 10,67% so cùng kỳ.

6. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ:

Tháng này giá xăng dầu các loại điều chỉnh tăng khá nhiều, là mặt hàng thiết yếu và quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sản xuất và kinh doanh. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2018 tăng 0,47% so với tháng trước, tăng 3,78% so với tháng 12 năm trước, tăng 4,77% so với cùng tháng năm trước và tăng 4,24% so với bình quân cùng kỳ. Giá bán các mặt hàng, nhóm hàng trong tháng biến động, cụ thể như sau:

Nhóm lương thực tháng này tăng 0,58% so tháng trước gồm có gạo tẻ thường tăng 0,68%, gạo tẻ ngon tăng 0,5%, gạo nếp tăng 0,46%, do năm nay nước lớn, vụ thu đông bị thất mùa, năng suất lúa giảm do ngập lụt và sâu bệnh nhiều khiến giá lúa gạo tăng lên;

Chỉ số nhóm thực phẩm tháng này tăng 0,64% so tháng trước do, cụ thể : Nhóm thịt gia súc tươi sống thì tăng 2,19% cụ thể là do thịt heo tăng 2,66% do số lượng heo trong thời gian vừa qua bán ra tương đối nhiều nên đàn heo giảm đáng kể cộng với việc nhiều hộ nuôi heo bị thua lỗ thời gian dài đã phải ngưng nuôi khiến cho lượng heo xuất bán giảm đẩy giá thành tăng lên; thịt bò tăng 0,23%, thịt gà giảm 0,43% do nguồn cung dư thừa; Cá tươi giảm 0,08%, tôm tươi giảm 0,96%, thủy hải sản tươi sống khác giảm 0,29% do tháng vừa rồi có Tết trung thu người dân có xu hướng ăn các thực phẩm chay nhiều hơn, nên đa số các tiêu thương và Doanh nghiệp thủy sản găm hàng chờ qua Trung thu, dẫn đến tồn kho nhiều, cung vượt quá cầu làm giá đi xuống;

Nhóm rau tươi các loại tăng 1,5% so với tháng trước như : rau dạng củ quả tăng 1,79%, rau tươi khác tăng 1,18%, rau muống tăng 0,71%, bắp cải tăng 3,05%, khoai tây tăng 4,14% nguyên nhân do thời tiết tháng này vẫn còn mưa khá nhiều khiến cho rau củ quả không đạt năng suất cao bị hư hại nhiều nên đẩy giá tăng lên;

Nhóm đường mật giảm 1,26% do giá đường giảm xuống chỉ còn 98,71% so tháng trước nguyên nhân do nguồn cung quá lớn, đường tồn kho còn nhiều;

Chỉ số giá các mặt hàng, nhóm hàng phi lương thực, thực phẩm biến động cụ thể như sau:

Nhóm giao thông tăng 1,72% so với tháng trước trong đó giá xăng dầu diezen tăng 3,5% do trong tháng giá xăng dầu được điều chỉnh tăng mạnh. Nhóm nhà ở , điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,36% so tháng trước cụ thể giá gas

tháng này tăng 3,3% do tháng này giá gas tăng 12.000 đồng/bình 12kg, chỉ số than, củi không tăng và giữ ổn định so tháng trước;

Do ảnh hưởng của giá vàng, giá Đô la Mỹ trên thị trường thế giới, giá vàng bình quân tháng 10/2018 là 3.393.000 đồng/chỉ (+0,3%); giá Đô la Mỹ tháng này là 23.421,36 đ/USD (+ 0,21%) so với tháng 9/2018.

7. Thu, chi ngân sách:

a) Thu ngân sách:

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn tháng 10/2018 đạt 610 tỷ đồng, cộng dồn 10 tháng được 6.206 tỷ đồng, đạt 89,85% dự toán năm, tăng 10,17% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 5.679 tỷ đồng, đạt 90,06% dự toán, tăng 13,02% so cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, tình hình thu ngân sách trong 10 tháng năm nay đạt khá cao so với dự toán, trong đó khoản thu nội địa chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số nguồn thu đạt 90,06% so với kế hoạch năm. Trong đó có một số khoản đạt khá như: Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.174 tỷ đồng bằng 95,24% dự toán và tăng 23,23%; Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 387,74 tỷ, bằng 79,13% dự toán, tăng 13,0%; thuế thu nhập cá nhân đạt 537 tỷ, tăng 23,53%; thu từ hoạt động xổ số đạt 1.382 tỷ bằng 95,32% dự toán và tăng 0,14% so cùng kỳ. Cũng có khoản thu đạt thấp như : Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 463 tỷ đồng đạt 70,18% dự toán và giảm 1,46%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu mới đạt 87,70% dự toán năm và giảm 13,39% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2018 (tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2018 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu	6.907	6.206	89,85	110,17
I. Thu nội địa	6.307	5.679	90,06	113,02
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	660	463	70,18	98,54
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	490	387	79,13	113,00
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.233	1.174	95,24	123,23
4. Hoạt động xổ số	1.450	1.382	95,32	100,41
II. Thu từ hoạt động XNK	600	526	87,70	86,61

b) Chi ngân sách:

Chi ngân sách ước tháng 10/2018 đạt 707 tỷ đồng, nâng mức chi 10 tháng năm đạt 6.246 tỷ đồng, đạt 73,96% dự toán, tăng 22,10% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 3.608 tỷ đồng, bằng 75,27% dự toán năm, tăng 6,60% so cùng kỳ; chi đầu tư phát triển 1.866 tỷ đồng, bằng 85,75% dự toán, tăng 25,60% so cùng kỳ; Chi đầu cho thương trình mục tiêu quốc gia đạt 745,68 tỷ đồng, bằng 59,40% dự toán năm và tăng 209,20% so cùng kỳ năm trước.

Chi ngân sách nhà nước địa phương

	Năm 2018 (tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2018 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi	8.445	6.246	73,96	122,10
I. Chi cân đối NSDP	7.190	5.500	76,50	112,90
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	2.177	1.866	85,75	125,60
2. Chi thường xuyên	4.793	3.608	75,27	106,60
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	649	471	72,58	122,50
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.006	1.429	71,22	103,40
+ Sự nghiệp y tế	399	302	75,82	101,20
+ Quản lý hành chính	882	737	83,56	109,60
II. Chi chương trình MTQG	1.255	745	59,40	209,20

8. Hoạt động ngân hàng:

Hoạt động của hệ thống ngân hàng trong tháng tương đối ổn định và phát triển. Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 10 ước đạt 41.557 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 1,50%, và tăng 10,76% so đầu năm. Trong đó vốn huy động ngắn hạn (dưới 12 tháng) là chủ yếu đạt 27.962 tỷ đồng (*Chiếm 67,3%*) tăng 12,7% so đầu năm; Vốn huy động trung và dài hạn đạt 13.595 tỷ đồng tăng 6,99% so đầu năm.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 10 ước đạt 47.051 tỷ đồng, tăng 2,0% so tháng trước và tăng 12,94% so đầu năm. Dư nợ cho vay ưu đãi doanh nghiệp vừa và nhỏ đạt 5.817 tỷ đồng, tăng 2,71% so với tháng trước và tăng 15,14% so với đầu năm. Nợ xấu 241 tỷ đồng tiếp tục giảm 3,91% so với tháng trước chiếm 0,51% so với tổng dư nợ.

9. Tình hình văn xã:

a) Lao động, giải quyết việc làm:

Trong tháng 10/2018, thông qua các phiên giao dịch việc làm của tỉnh đã tư vấn việc làm và học nghề cho 2.410 lao động (lũy kế 10 tháng 18.895 lao động); giới thiệu cung ứng lao động trong nước cho 237 lao động (lũy kế đến nay 1.909 lao động). Tổ chức đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 10 tháng được 450 lao động.

Trong tháng cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho 197 lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh. Lũy kế từ đầu năm, cấp mới và cấp lại cho 1.786 lao động, đến nay tỉnh đã chấp thuận cho 238 doanh nghiệp tuyển dụng 3.639 lao động là người nước ngoài.

Công tác dạy nghề: Trong tháng, các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề tiếp tục tuyển sinh mới được 941 người, số sinh viên học viên tốt nghiệp trong tháng 874 người trong đó có 709 người có việc làm đạt 81,12%. Đào tạo nghề

nông thôn, trong tháng đã tổ chức 05 lớp/189 học viên, lũy kế từ đầu năm đến nay đã mở 110 lớp/ 3.527 học viên đạt 76,57% kế hoạch năm.

Về đình công, lãn công: trong tháng xảy ra 02 vụ tại Công ty TNHH May mặc LangHam (Trung Quốc) tại khu công nghiệp Trảng Bàng với 60 lao động tham gia; Công ty TNHH Oceansky (Singapore) tại KCX và CN Linh Trung III với 800 lao động tham gia.

b) Hoạt động y tế:

Trong tháng số ca mắc mới bệnh tay chân miệng là 443ca tăng 151,7% so với tháng trước (176ca) và tăng 8,32% so với cùng kỳ năm 2017 (409ca). Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Trảng Bàng 73 ca, Gò Dầu 63 ca, Hòa Thành 37 ca, Châu Thành 58 ca, Thành phố 42 ca, Tân Châu 54 ca, Dương Minh Châu: 34 ca, Bến Cầu 58 ca, Tân Biên 24 ca. Tổng số ca cộng dồn đến nay: 1.193ca giảm 21,82% so sánh cùng kỳ năm 2017 (1.526ca). Trong tháng đã có 2 ca tử vong (Châu Thành: 01ca; Tân Châu: 01ca) tăng 2 ca cùng kỳ năm 2017.

Số ca mắc mới bệnh sốt Dengue/sốt xuất huyết trong tháng là 269ca giảm 10,03% so với tháng trước (299ca) và tăng 19,03% so với cùng kỳ năm 2017 (226ca). Huyện có số ca mắc mới trong tháng là: Tân Biên 77ca; Tân Châu 55ca; Châu Thành 43ca ; Thành phố 22ca ; Dương Minh Châu 22ca; Gò Dầu 13ca; Trảng Bàng 13ca; Hòa Thành 10ca; Bến Cầu 14ca . Tổng số mắc SD/SXHD cộng dồn đến nay 1.372ca giảm 6,86% so với cùng kỳ năm 2017 (1.473ca). Trong tháng không có ca tử vong.

Bệnh HIV/AIDS: Số HIV mới phát hiện trong tháng là: 29 ca. Lũy tích HIV là 4.901ca, trong đó nữ: 1.614 ca. Số AIDS mới phát hiện trong tháng là: 04ca, lũy tích AIDS là 3.631ca, trong đó nữ: 1.149ca. Tử vong AIDS mới trong tháng là: 06 ca, Lũy tích tử vong AIDS là 1.554ca. Số bệnh nhân điều trị ARV mới trong tháng là 32ca, lũy tích bệnh nhân điều trị ARV là 1.931ca, trong đó nữ: 799 ca.

Chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm: trong tháng, đã tiến hành kiểm tra 1.060 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống ... , kết quả có 922 cơ sở đạt tiêu chuẩn vệ sinh (đạt tỷ lệ 86,98%). Ngộ độc thực phẩm không xảy ra.

c) An toàn giao thông:

Trong tháng 10/2018 (từ ngày 16/9/2018-15/10/2018) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 12 vụ² tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 04 người và bị thương 09 người. So với tháng cùng kỳ năm 2017 giảm 07 vụ, số người chết giảm 12 người và số người bị thương cũng giảm 18 người. Cộng dồn 10 tháng đầu 2018 đã xảy ra 196 vụ tai nạn giao thông, làm chết 78 người, và 158 người bị thương, so với cùng kỳ năm trước đều tăng về cả 03 tiêu chí: số vụ tăng (+50), số người chết tăng (+21) và số người bị thương cũng tăng (+17). Nguyên nhân chủ yếu của các vụ tai nạn là do người điều khiển xe đi không đúng phần đường, chuyển hướng tránh vượt thiếu quan sát, và đặc biệt là tình trạng sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông.

² Tháng 9.2018 xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông, làm chết 01 người và bị thương 13 người.

d) Hoạt động văn hoá:

Trong tháng 10/2018, ngành văn hóa, thể thao và du lịch tập trung tổ chức các hoạt động thông tin cổ động, tuyên truyền, trưng bày triển lãm, văn nghệ, sách báo, phim ảnh và biểu diễn nghệ thuật phục vụ Nhân dân. Thông qua đó tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền biển đảo, xây dựng Nông thôn mới, an toàn giao thông, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”,... Trong tháng thực hiện 08 tấm băng rôn, 950 tấm phướn (trong đó: 500 tấm xã hội hóa), 320 lá cờ các loại thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong tháng.

Hoạt động Bảo tồn - Bảo tàng: trưng bày, triển lãm tại Nhà Trưng bày bảo tàng và lưu động đón 4.754 lượt người tham quan. Tổ chức thi tìm hiểu di tích lịch sử - văn hoá tỉnh Tây Ninh với chủ đề “Khu lưu niệm Dương Minh Châu”, tổng số thư tham dự là 5.633 thư trong đó có 01 giải tập thể và 09 giải cá nhân.

Hệ thống Thư viện công cộng trưng bày tài liệu tuyên truyền, giới thiệu và phổ biến pháp luật thường xuyên: 258 tài liệu; tuyên truyền phục vụ ngày lễ trong tháng: 235 tài liệu. Tổng số sách hiện có 245.128 bản/69.945 tên sách. Phục vụ bạn đọc với tổng số lượt bạn đọc 3.528 lượt. Tổng số lượt tài liệu phục vụ 20.368 lượt tài liệu. Cấp mới 195 thẻ bạn đọc. Phục vụ lưu động: 03 cuộc, luân chuyển 44 tủ sách cơ sở.

Hoạt động văn nghệ tuyên truyền: tổ chức 04 buổi phục vụ văn nghệ (Đại hội Hiệp hội Du lịch Tây Ninh, khai trương cửa khẩu Phước Tân, chương trình Trưng thu, khai mạc triển lãm xây dựng môi trường VHTTDL); phục vụ tuyên truyền cơ sở 08 buổi. Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động các câu lạc bộ: CLB Âm nhạc truyền thống, Thơ ca người cao tuổi, Hoa hướng dương, Sân khấu cải lương...

e) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:

Trong tháng 10/2018 (từ ngày 16/9/2018 đến 15/10/2018), trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy ô tô của hộ dân tại huyện Tân Châu, không gây thiệt hại về người, nguyên nhân đang được ngành chức năng làm rõ, ước giá trị thiệt hại khoảng 350 triệu đồng.

Về vi phạm môi trường theo báo cáo của ngành chức năng trong tháng không có trường hợp nào vi phạm môi trường xảy ra trên địa bàn được phát hiện. Lũy kế từ đầu năm đến nay đã có 10 vụ vi phạm môi trường (so cùng kỳ giảm 20 vụ) và đã được khắc phục, với số tiền phạt nộp ngân sách 748,3 tr.đ đồng.